

Phát triển năng lực tự chủ cho đội ngũ cán bộ quản lý khoa tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công thương trong bối cảnh tự chủ đại học

Hoàng Trường

Email: hoangtruongdhv71@gmail.com
Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung
Số 16, Hữu Nghị, Xuân Khanh, Sơn Tây,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Bộ Công Thương có 9 trường đại học công lập trực thuộc. Hiện nay, đã có 5/9 trường thực hiện tự chủ hoàn toàn, 4 trường còn lại đang thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, trong bối cảnh và tự chủ đại học diễn ra ngày càng sâu rộng đòi hỏi phải không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ nói chung và đội ngũ cán bộ quản lý khoa nói riêng. Trên cơ sở phân tích những thách thức, yêu cầu đặt ra cho các trường đại học và thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý khoa, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ quản lý khoa trong các trường đại học thuộc Bộ Công Thương để từ đó dẫn dắt các cơ sở giáo dục đại học trong Bộ chủ động thích ứng và phát triển mạnh mẽ, đáp ứng được những yêu cầu của tự chủ đại học và hội nhập quốc tế.

TỪ KHÓA: Năng lực tự chủ, cán bộ quản lý, cán bộ quản lý khoa, giáo dục đại học, tự chủ đại học, trách nhiệm giải trình.

→ Nhận bài 12/3/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 08/4/2023 → Duyệt đăng 15/5/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310510>

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tự chủ đại học ngày càng trở nên mạnh mẽ, các trường đại học Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức và yêu cầu mới về sự chuẩn mực trong chất lượng cũng như sự quản trị tiên tiến của mọi lĩnh vực hoạt động. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực, sẵn sàng đổi mới, hiện đại hóa trường đại học và đặc biệt là cách mà đại học cần được điều hành, quản lý. Đầu tư để phát triển con người, đặc biệt là phát triển đội ngũ cán bộ quản lý được xem là sự chuẩn bị thông minh, hiệu quả để đổi mới và tận dụng tối đa những cơ hội và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tiếp cận, làm chủ môi trường hoạt động trước những biến đổi nhanh chóng của xã hội. Bộ Công thương là Bộ đa ngành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại, bao gồm rất nhiều ngành và lĩnh vực. Bộ Công thương có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân, để nâng cao năng xuất lao động, tạo sự cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi cần có nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất và có khả năng thích ứng với môi trường lao động. Nhiệm vụ này được giao cho hệ thống các trường đào tạo trong Bộ mà nòng cốt là các trường đại học. Từ những phân tích, đánh giá về mặt lý luận, thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong bối cảnh tự chủ và đổi mới giáo dục đại học, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ quản lý khoa trong các trường đại học thuộc Bộ

Công thương để từ đó có thể dẫn dắt các cơ sở giáo dục đại học trong Bộ chủ động thích ứng và phát triển, đáp ứng được những yêu cầu của tự chủ đại học và hội nhập quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của trường đại học Việt Nam

Quyền tự chủ: Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học đã được quy định tại Luật 34/2018/QH13 Luật Giáo dục Đại học. Hiện nay, có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm tự chủ đại học tùy theo nhận thức về vai trò của Nhà nước đối với giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Theo Trần Quốc Toàn (2016), tự chủ đại học là quyền của nhà trường được tự “điều hành” hoạt động của mình mà không bị kiểm soát từ bên ngoài; hay là sự “thoát ra khỏi” sự kiểm soát, hạn chế của các cơ quan quản lý nhà nước, của thị trường... đối với các hoạt động của trường đại học. Lê Thanh Tâm (2014) cho rằng: Tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học là quyền quản lý, ra quyết định của các cơ sở giáo dục trên mọi phương diện: Tổ chức, nhân sự, tài chính, đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, học thuật, trong đó tự chủ học thuật và tự chủ tài chính và là hai nội dung quan trọng góp phần thúc đẩy mọi hoạt động có hiệu quả. Theo Phạm Thị Ly (2012), khái niệm tự chủ đại học có thể được định nghĩa là sự độc lập ở mức cần thiết đối với các tác nhân can thiệp

từ bên ngoài mà nhà trường cần có để có thể thực hiện được việc quản trị và tổ chức nội bộ, như tạo ra và sử dụng các nguồn tài chính ngoài ngân sách công, phân bổ các nguồn lực tài chính trong phạm vi nhà trường, tuyển dụng nhân sự, xây dựng các tiêu chuẩn cho học tập, đào tạo và nghiên cứu và cuối cùng, là quyền tự do trong việc tổ chức thực hiện nghiên cứu và giảng dạy.

Như vậy, có thể khái quát lại một cách cơ bản nhất, “*Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học*” là quyền được tự xác định mục tiêu và lựa chọn cách thức thực hiện mục tiêu; tự quyết định và có trách nhiệm giải trình về hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản và hoạt động khác trên cơ sở quy định của pháp luật và năng lực của cơ sở giáo dục đại học.

Trách nhiệm giải trình: Trách nhiệm giải trình là cốt lõi của quan hệ công việc giữa các cá nhân với nhau, cũng như giữa một tổ chức với cơ quan quản lý và công chúng, và đặc biệt quan trọng trong những lĩnh vực có quan hệ tới lợi ích của số đông công chúng. Trách nhiệm giải trình của trường đại học là nghĩa vụ báo cáo mang tính đạo đức và quản lý về những hoạt động và kết quả thu được, giải thích kết quả thực hiện và thừa nhận trách nhiệm đối với cả những kết quả không mong đợi của nhà trường cho các bên liên quan. Trách nhiệm giải trình là nhiệm vụ có tầm quan trọng đặc biệt đối với một trường đại học khi được giao quyền tự chủ.

Theo Lê Thanh Tâm (2014), có thể hiểu “trách nhiệm giải trình” là việc nhà trường phải tự đánh giá và giám sát việc thực hiện các quy định của Nhà nước, sẵn sàng giải trình và minh bạch hoá các hoạt động của trường và chịu trách nhiệm về các kết quả hoạt động này trước các đối tượng có liên quan. Tác giả Phạm Thị Ly (2008) cho rằng: “Trách nhiệm giải trình là sự thừa nhận về trách nhiệm đối với mọi hành động, mọi sản phẩm, mọi quyết định hay chính sách mà chúng ta đưa ra trong việc lãnh đạo, quản lý, và thực hiện công việc; gắn với nghĩa vụ báo cáo, giải thích, biện minh cho mọi hậu quả của những việc chúng ta làm. Theo Trần Quốc Toàn (2018): “Trách nhiệm giải trình của một cơ sở giáo dục đại học có thể được hiểu là: trách nhiệm về tính công khai, minh bạch trong các hoạt động của nhà trường về các nội dung tự chủ đối với cả “bên trong” và “bên ngoài”; trách nhiệm về kết quả, hiệu quả, chất lượng các hoạt động và sản phẩm, dịch vụ do nhà trường cung cấp; trách nhiệm tuân thủ các quy định của Nhà nước và quy chế hoạt động của trường cả về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức - biên chế - nhân sự, và về công tác tài chính

Như vậy, có thể hiểu, *Trách nhiệm giải trình* là việc cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm báo cáo, minh bạch thông tin đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền, chủ sở hữu và các bên liên quan về

việc tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện đúng quy định, cam kết của cơ sở giáo dục đại học.

Tự chủ trong các cơ sở giáo dục đại học: Là cơ chế Nhà nước giao quyền tự chủ trong hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản quản lý lao động và quản lý tài chính. Trách nhiệm của các cơ sở khi thực hiện là phải chủ động trong công tác tổ chức quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, sử dụng các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường, chú trọng việc sử dụng các nguồn lực đảm bảo công khai, minh bạch thông tin đối với người học, xã hội, cơ quan quản lý có thẩm quyền, chủ sở hữu và các bên liên quan về việc tuân thủ quy định của pháp luật và thực hiện đúng quy định, cam kết của cơ sở giáo dục đại học.

Tự chủ đại học ở Việt Nam giúp các trường đại học làm chủ vận mệnh của mình. Các trường đại học phải có quyền quyết định “canh tác” như thế nào trên trên “mảnh đất” của mình để đạt được hiệu quả cao nhất (Lê Thanh Tâm 2014). Tự chủ đại học là tự chủ gắn với đổi mới giáo dục của các trường đại học vì nó đảm bảo được xu thế tất yếu, tự do trong huy động các nguồn lực về nhân sự và tài chính tốt nhất nhằm phát triển nhà trường đại học hiệu quả. Tự chủ đại học giúp các nhà trường thoát dần khỏi cơ chế xin cho, những quy định cứng nhắc, nặng nề và quan liêu của hệ thống quản lý cũ, mang nặng tính chủ quan, áp đặt. Điều này đặt ra cho các cơ sở giáo dục đại học bài toán chuẩn bị nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đại học có ý thức, đủ năng lực để tận dụng những cơ hội, lợi thế mà tự chủ mang lại nhằm đổi mới, thúc đẩy sự phát triển của nhà trường

2.2. Tự chủ và trách nhiệm giải trình của trường đại học thuộc Bộ Công thương

Các trường đại học thuộc Bộ Công thương đều chịu sự quản lý theo phương thức song Bộ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công thương), trong đó Bộ Công thương là cơ quan chủ quản của trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý Nhà nước về giáo dục, đào tạo của trường; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là cơ quan quản lý trên vùng lãnh thổ đối với trường. Hiện nay, có 5/9 trường đại học thuộc Bộ Công thương đã thực hiện tự chủ hoàn toàn, 4 trường đang thực hiện theo cơ chế của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và tất cả các trường đều thực hiện nhiệm vụ theo cơ chế tự chủ và trách nhiệm giải trình được quy định Luật Giáo dục Đại học.

Được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường cao đẳng và trước đó từ trường công nhân, trung cấp nên các trường đại học trực thuộc Bộ Công thương đều có một điểm chung là đào tạo đa ngành theo hướng nghề nghiệp ứng dụng và có sự liên thông đào tạo giữa các

cấp bậc học ngay trong mỗi cơ sở đào tạo. Hiện nay, có 09 trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công thương, Các trường nằm ở trung tâm thành phố lớn có nhiều điều kiện thuận lợi (thu hút giảng viên có trình độ cao, thu hút sinh viên, hấp dẫn đối tác,...) nên có tốc độ phát triển nhanh, quy mô đào tạo lớn. Ngược lại, một số trường đại học mới thành lập gần đây ở xa trung tâm thành phố lớn gặp phải không ít khó khăn thách thức (xem Bảng 1).

Thực hiện tinh thần chỉ đạo chung của Bộ Công thương, các nhà trường đang tiếp tục đẩy mạnh tự chủ và giải trình xã hội, đổi mới và nâng cao năng lực quản trị đại học, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nhất là nhân lực chất lượng cao cho nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ, đảm bảo nhu cầu nguồn nhân lực cho Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế. Để cụ thể hóa việc phân cấp tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các hoạt động, tất cả các trường đều tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản nội bộ có liên quan đến công tác đào tạo, tổ chức, tài chính, chế độ chính sách...các văn bản này đều bám sát các quy định của Nhà nước.

Hiện nay, các trường đại học thuộc Bộ Công thương đang thực hiện tổ chức và hoạt động theo Luật Giáo dục Đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP; Thông tư số 10/2020/TT- BGDĐT, Nghị định 115/2020/NĐ-CP, Nghị định 161/2018/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và một số các văn bản quy định của các Bộ, ngành có liên quan. Đánh giá lại quá trình thực hiện thí điểm tự chủ tại các trường đại học thuộc Bộ Công thương cho thấy, bên cạnh những vướng mắc như khung pháp lý chưa vững chắc và thiếu đồng bộ, cơ chế giám sát không dựa vào chỉ số đánh giá thực hiện công việc mà chủ yếu dựa vào kiểm soát đầu vào, còn có những hạn chế chủ quan từ chính các cơ sở. Quá trình triển khai tự chủ đại học thời gian qua có các vướng mắc do hệ thống các văn bản quy định pháp luật chồng chéo, thậm chí có cả những ngộ nhận, hiểu không đúng về các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan.

2.3. Đặc điểm đội ngũ cán bộ quản lý khoa trong các trường đại học thuộc Bộ Công thương

Đội ngũ cán bộ quản lý khoa trong các cơ sở giáo dục đại học trước hết họ là viên chức quản lý, là những người được cấp có thẩm quyền thông qua quyết định giao nhiệm vụ để tổ chức, điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm đối với hoạt động của khoa trong cơ sở giáo dục đại học nhằm đạt được những mục tiêu đã xác định (Luật Giáo dục, 2005). Tất cả các trường đại học trực thuộc Bộ Công thương được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ trường cao đẳng và trước đó từ trường công nhân, trung cấp. Vì vậy, hầu hết đội ngũ cán bộ quản lý nói chung và cán bộ quản lý khoa đều có một điểm chung là được phát triển từ cán bộ khoa của các bậc đào tạo thấp, đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thiện liên tục để đáp ứng các tiêu chuẩn tiêu chí của trường đại học.

Do các trường đều có hướng đào tạo đa cấp, đa ngành theo hướng nghề nghiệp ứng dụng, vì vậy các nhà trường đều có truyền thống và thế mạnh là đào tạo gắn với các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế, đáp ứng thị trường lao động, trong đó khoa có vai trò chủ đạo. Cán bộ khoa luôn phải chủ động trong việc thiết lập các mối quan hệ với doanh nghiệp, xây dựng chương trình đào tạo tại doanh nghiệp phù hợp với đối tượng và chương trình đào tạo chung; tổ chức đưa sinh viên và phối hợp công tác quản lý sinh viên tại doanh nghiệp; thương thảo, đàm phán với doanh nghiệp khi có các vấn đề phát sinh... Chính vì vậy, cán bộ quản lý cấp khoa trong các trường phải tự trang bị những kiến thức về lý luận quản lý, nghiệp vụ quản lý thiết thực mang tính chuyên nghiệp, đặc biệt cần có các kỹ năng quản lý, kỹ năng đàm phán, kỹ năng giao tiếp và ứng xử; định hướng đạo đức và trí tuệ; kỹ năng quản lý sự thay đổi; khả năng khơi dậy và nuôi dưỡng động lực; kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề; kỹ năng xây dựng tổ chức quá trình sản xuất; dám nghĩ, dám làm; nhạy bén với các xu thế thị trường lao động; sử dụng Công nghệ thông tin, ngoại ngữ, có năng lực hoạt động thực tiễn, năng lực đối ngoại... để có đủ bản lĩnh biến chủ trương, chính sách thành hiện thực; trở thành nhà quản lý trong

Bảng 1: Các trường được tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư

TT	Tên trường tự chủ	Số văn bản phê duyệt
1	Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	Quyết định 901/QĐ-TTg ngày 23/6/2015
2	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Quyết định 945/QĐ-TTg ngày 04/7/2015
3	Đại học Công nghiệp Thực phẩm Hồ Chí Minh	Quyết định 902/QĐ-TTg ngày 23/6/2017
4	Đại học Điện lực	Quyết định 1508/QĐ-TTg ngày 01/9/2017
5	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	Quyết định 618/QĐ-TTg ngày 08/5/2017

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022 của Bộ Công thương)

sạch và thạo việc, thực hiện đúng chức trách một cách chuyên nghiệp.

Số liệu thống kê ở Bảng 2 cho thấy, đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa có những nét đặc thù với phần lớn có xuất phát điểm là cán bộ khoa học, cán bộ giảng dạy, trình độ chuyên môn cao. Đến thời điểm hiện tại, có gần 50% số cán bộ quản lý khoa đã được đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài. Đội ngũ này có nhiều

Bảng 2: Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý khoa của 9 trường Đại học thuộc Bộ Công thương

Tên trường	Tổng số	Đội ngũ cán bộ quản lý khoa				
		Chức danh		Trình độ đào tạo		
		Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học
1. Đại học Công nghiệp Hà Nội	76	1	12	53	20	3
Trưởng khoa và tương đương	30	1	9	21	7	2
Phó trưởng khoa và tương đương	46	0	3	32	13	1
2. Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	58	1	8	30	19	0
Trưởng khoa và tương đương	22		4	13	5	0
Phó trưởng khoa và tương đương	36	1	4	17	14	0
3. Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh	34	0	5	12	17	0
Trưởng khoa và tương đương	16	0	5	8	3	0
Phó trưởng khoa và tương đương	18	0		4	14	0
4. Đại học Kinh tế Kỹ Thuật Công nghiệp	30	0	2	20	8	0
Trưởng khoa và tương đương	14	0	2	10	2	0
Phó trưởng khoa và tương đương	16	0		10	6	0
5. Đại học Công nghiệp Việt - Hưng	18			9	7	0
Trưởng khoa và tương đương	10	0	0	8	2	0
Phó trưởng khoa và tương đương	8	0	0	1	7	0
6. Đại học Công nghiệp Việt Trì	28	0	1	10	14	0
Trưởng khoa và tương đương	8	0	1	7	1	0
Phó trưởng khoa và tương đương	20	0		3	13	0
7. Đại học Sao Đỏ	18	0		12	6	0
Trưởng khoa và tương đương	10	0	0	9	1	0
Phó trưởng khoa và tương đương	8	0	0	3	5	0
8. Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	14	0	0	7	7	0
Trưởng khoa và tương đương	5	0	0	2	3	0
Phó trưởng khoa và tương đương	9	0	0	5	4	0
9. Đại học Điện Lực	34	3	18	30	2	0
Trưởng khoa và tương đương	14	2	12	14	0	0
Phó trưởng khoa và tương đương	20	1	6	16	2	0

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022 của Bộ Công thương)

ưu điểm về năng lực trí tuệ, khả năng tư duy, sáng tạo, sự tự tin, khả năng tiếp cận, tiếp thu và thích ứng tốt với những điều mới mẻ, có kinh nghiệm học tập, làm việc trong môi trường quốc tế. Năng lực sử dụng ngoại ngữ và công nghệ cũng là những thế mạnh đáng chú ý, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghệ phát triển mạnh. Đây là những công cụ hữu hiệu để giao tiếp, tương tác và tiếp cận với những giá trị tiên tiến, chuẩn mực quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài.

Bên cạnh những điểm mạnh, vẫn còn những hạn chế nhất định của đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa trong các trường đại học thuộc Bộ Công thương như: tính chủ quan, duy ý chí, mang kinh nghiệm trong hoạt động chuyên môn vào hoạt động quản lý, hay chế độ kiêm nhiệm vừa làm công tác quản lý, vừa tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học là yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động quản lý. Một bộ phận cán bộ quản lý khoa vẫn còn dẫn đo khi thực hiện tự chủ do sợ không đáp ứng được với hoàn cảnh mới, mất quyền lợi, vẫn còn nhiều tư duy bao cấp, bình quân, tâm lý bao cấp về học phí trong đào tạo vẫn còn rất nặng nề, tác động không nhỏ đến công tác tuyển sinh. Hạn chế đáng quan tâm nhất là đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa hiện nay đa phần chưa được đào tạo, bồi dưỡng bài bản, có hệ thống về những kiến thức, kỹ năng, công cụ cũng như hành vi, thái độ trong lãnh đạo, quản lý. Phần lớn “vừa làm, vừa học”, làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân, đồng thời học hỏi, tích lũy kinh nghiệm từ trong chính quá trình thực hiện nhiệm vụ. Trong bối cảnh tự chủ và trách nhiệm xã hội ngày nay, đòi hỏi phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa cần chú ý tiếp tục phát huy những thế mạnh đồng thời khắc phục những hạn chế thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

2.4. Phát triển năng lực tự chủ của đội ngũ cán bộ quản lý khoa trong các trường đại học thuộc Bộ Công thương đáp ứng yêu cầu tự chủ đại học

Để cụ thể hóa việc phân cấp tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các hoạt động, tất cả các trường đều tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản nội bộ có liên quan đến công tác đào tạo, tổ chức, tài chính, chế độ chính sách... các văn bản này đều bám sát các quy định của nhà nước, đây là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc triển khai các hoạt động của nhà trường, cụ thể là: Về quyền tự chủ: 9/9 trường đều ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động tuyển sinh, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp quy định của pháp luật; Xác định, công bố công khai phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Bảng 3: Quy mô đào tạo của các trường đại học thuộc Bộ Công thương trong ba năm

TT	Trình độ	Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023	
		Tuyển sinh	Quy mô sinh viên	Tuyển sinh	Quy mô sinh viên	Tuyển sinh	Quy mô sinh viên
1	Tiến sĩ	15	51	22	75	41	113
2	Thạc sĩ	542	1267	348	1273	434	980
3	Đại học	323437	104176	34051	115584	33390	118940

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022 của Bộ Công thương)

Quyết định phương thức tổ chức và quản lý đào tạo đối với các trình độ, hình thức đào tạo; Tổ chức thực hiện, đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo của giáo dục đại học; Quyết định đào tạo từ xa, liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục trong nước đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự, tự chủ về tổ chức, bộ máy và nhân sự để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về số lượng người làm việc và vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp ban hành, tổ chức thực hiện quy định nội bộ về tổ chức bộ máy và nhân sự; Thực hiện quyền tự chủ về tài chính và tài sản theo các quy định hiện hành về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Ban hành, tổ chức thực hiện quy định nội bộ về tài chính và tài sản

Các trường đại học trực thuộc Bộ Công thương đều khai thác triệt để các điều kiện hiện có để phát huy tự chủ trong tuyển sinh góp phần tăng nguồn thu từ học phí. Tuy nhiên, công tác tuyển sinh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đối với giáo dục đại học chỉ đạt 96,2%. Có 5/9 trường đại học tự chủ hoàn toàn theo Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ đều đạt và vượt chỉ tiêu (Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội vượt 12%, Trường Đại học Điện lực vượt 13%). Tuyển sinh ở bậc sau đại học tiếp tục không đạt chỉ tiêu khi có một số sự thay đổi trong quy chế đào tạo thạc sĩ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tiến sĩ đạt 26%, Thạc sĩ đạt 23%). Do sự biến động của của thị trường lao động và nhu cầu của người học, bên cạnh việc xuất hiện một số ngành mới, hấp dẫn thì một số ngành truyền thống có thể mạnh của các trường nhưng có tính chất công việc nặng nhọc, vất vả trong lúc thị trường lao động vẫn có nhu cầu như ngành Nhiệt luyện, Gia công áp lực, Thi công kết cấu thép, Sửa chữa thiết bị Cơ khí, Công nghệ Hàn... bị mất đi, dẫn đến mất cân đối trong một số ngành nghề đào tạo chung của ngành Công Thương (xem Bảng 3).

Để khắc phục những khó khăn này, các trường đã chủ động trong công tác tuyển sinh, tích cực khảo sát thị trường lao động để xây dựng và mở các ngành nghề đào tạo mới bên cạnh việc củng cố các ngành nghề truyền thống có thể mạnh, đặc biệt là các ngành có thể mạnh để đáp ứng cho Cách mạng Công nghệ 4.0, hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển đổi số trong các thành phần

kinh tế. Kết quả tuyển sinh của 10 ngành trong những năm gần đây đã cho thấy như vậy (xem Bảng 4).

Qua khảo sát thực tế ở 05 trường đại học với 208 người thuộc 06 đối tượng xin ý kiến gồm: Giám hiệu, trưởng, phó phòng, trưởng/phó khoa, trưởng/phó bộ môn, giảng viên và nhân viên cho kết quả sau (xem Bảng 5).

Kết quả khảo sát ở Bảng 5 phản ánh thực trạng về năng lực tự chủ của đội ngũ cán bộ cấp khoa trong các nhà trường, trong đó đáng chú ý về năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội đối với công tác tuyển sinh đạt mức thấp nhất (2.82 điểm). Hầu hết các ý kiến đánh giá cho rằng, cán bộ khoa khi xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm trong khoa, chưa cân đối được các nguồn lực để xác định và đăng kí chỉ tiêu và xác định quy mô tuyển sinh hàng năm. Nhiều cán bộ quản lý khoa chưa quan tâm đến việc khảo sát, dự báo về nhu cầu lao động, nhu cầu học tập của xã hội để xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho ngành đào tạo của khoa mình. Trong vấn đề về

Bảng 4: Thống kê 10 ngành của 9 trường đại học có số sinh viên theo học nhiều nhất

TT	Tên ngành	Số sinh viên tuyển theo năm học		
		2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
1	Công nghệ Thông tin	2879	3303	2588
2	Kế toán	3090	2846	2462
3	Quản trị Kinh doanh	2555	2791	2341
4	Công nghệ kĩ thuật Điện, điện tử	2541	2704	2942
5	Ngôn ngữ Anh	2235	1789	1170
6	Tài chính Ngân hàng	1396	1690	1317
7	Công nghệ kĩ thuật điều khiển và tự động hóa	1472	1541	1430
8	Công nghệ kĩ thuật ô tô	1313	1459	1580
9	Công nghệ kĩ thuật cơ khí	1264	1290	1248
10	Công nghệ kĩ thuật điện tử, viễn thông	1107	1266	1160
		19852	20679	18238

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết năm học 2021 - 2022 của Bộ Công thương)

Bảng 5: Kết quả khảo sát theo các nội dung tự chủ

TT	Nội dung đánh giá khảo sát	Mức độ đánh giá				Điểm Trung bình	Thứ bậc
		Tốt	Khá	Trung bình	Không đạt		
		(4 đ)	(3 đ)	(2 đ)	(1 đ)		
1	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cán bộ khoa trong công tác tổ chức, quản lý bộ máy của đơn vị.	97 46.6%	79 38.0%	23 11.1%	9 4.3%	3.27	3
2	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công tác phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý trong khoa.	98 47.1%	85 40.9%	20 9.6%	5 2.4%	3.33	1
3	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý khoa trong hoạt động đào tạo.	68 32.7%	95 45.7%	29 13.9%	16 7.7%	3.03	4
4	Tự chủ và trách nhiệm xã hội trong công tác tuyển sinh.	48 23.1%	86 41.3%	62 29.8%	12 5.8%	2.82	5
5	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công tác quản lý tài sản, tài chính.	98 47.1%	74 35.6%	24 11.5%	12 5.8%	3.24	2

tự chủ của hoạt động đào tạo, mặc dù kết quả chung đạt 3.03/4đ nhưng vẫn có đến 7,7% đánh giá cán bộ quản lý khoa chưa đạt yêu cầu trong xây dựng kế hoạch đào tạo mềm dẻo, linh hoạt, bám sát thị trường lao động để xây dựng các chương trình đào tạo gắn với vị trí việc làm trong các doanh nghiệp và cách thức quản lý giảng dạy, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hành thực tập chưa thực sự phù hợp với điều kiện và ngành nghề của khoa, khả năng quản lý hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của sinh viên. Từ những nhận định trên, có thể đề xuất một số vấn đề để nâng cao năng lực tự chủ của đội ngũ cán bộ quản lý khoa trong các trường đại học thuộc Bộ Công thương như sau:

Thứ nhất, nâng cao năng lực về tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cán bộ khoa trong công tác tổ chức, quản lý bộ máy của đơn vị. Để tăng tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm xã hội trong tổ chức, quản lý thì bộ máy quản lý của các khoa phải tiếp tục được hoàn thiện, đồng thời có sự phân công, phân cấp hợp lý giữa các bộ môn, các trung tâm và các bộ phận cung ứng, dịch vụ.

Thứ hai, nâng cao năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công tác phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý trong khoa. Đây chính là điều kiện then chốt đảm bảo trách nhiệm về chất lượng đào tạo, với mục đích xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý có đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, tiến tới vượt chuẩn để có thể thực hiện tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong lĩnh vực đào tạo, các trường cần tăng cường phân cấp tuyển dụng tới các đơn vị; xây dựng chuẩn tuyển dụng đội ngũ giảng viên; xây dựng quy trình tuyển dụng cán bộ hợp lý; sử dụng, bố trí đúng người, đúng việc phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi người.

Thứ ba, nâng cao năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý khoa trong hoạt động đào tạo. Cán bộ quản lý khoa phải có khả năng hoàn

thiện các quy định, quy trình liên quan đến phân cấp, quản lý đào tạo để tiếp nhận và thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm hoàn toàn trong tổ chức đào tạo, cần các nội dung cụ thể như sau:

- *Tự chủ và trách nhiệm xã hội về kế hoạch đào tạo*: Cán bộ quản lý khoa phải có năng lực trong xây dựng kế hoạch đào tạo mềm dẻo, linh hoạt, bám sát thị trường lao động để xây dựng các chương trình đào tạo gắn với vị trí việc làm trong các doanh nghiệp.

- *Tự chủ và trách nhiệm xã hội về chương trình đào tạo*: Cán bộ quản lý khoa căn cứ vào đặc điểm của mình có trách nhiệm xây dựng chương trình đào tạo theo khung chương trình quy định, vừa đảm bảo chất lượng trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo, vừa thể hiện được thế mạnh chuyên môn của từng ngành.

- *Tự chủ và trách nhiệm xã hội trong tổ chức đào tạo*: Cán bộ quản lý khoa phải có năng lực khai thác và phát huy hết tiềm năng của các nguồn lực này sẵn có và tạo nguồn lực mới cho cơ sở đào tạo để tự tổ chức đào tạo theo chuẩn ban hành trên tinh thần chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả

- *Năng lực tự chủ trong xây dựng phương thức đào tạo*: Xây dựng và tổ chức đào tạo theo quy định khung thời lượng và trình độ của các môn học, lựa chọn và nhân rộng những loại hình đào tạo phù hợp với điều kiện của cơ sở và nhu cầu xã hội, phân bổ thời gian hợp lý phù hợp với thời điểm sử dụng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội về giảng dạy, nghiên cứu và hướng dẫn thực hành*: Cán bộ quản lý khoa cần có năng lực xây dựng các văn bản quy định riêng của mình để quy định thống nhất về giảng dạy và nghiên cứu. Xây dựng chương trình đào tạo thực hành chủ động, linh hoạt, gắn với thực tế doanh nghiệp.

- *Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kiểm*

tra, đánh giá: Một trong những điều kiện cơ bản để có thể giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm là có một hệ thống kiểm tra, đánh giá với giảng viên và sinh viên, từ đó từng bước đẩy mạnh phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, nghiên cứu nhằm xây dựng vị thế của từng trường.

Thứ tư, nâng cao năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội trong công tác tuyển sinh: Đây là một trong những năng lực quan trọng của cán bộ khoa trong việc duy trì sự ổn định và phát triển khoa, Cán bộ khoa phải có năng lực xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm trong khoa. Trên cơ sở các nguồn lực hiện có, quy định tỉ lệ sinh viên đối với giảng viên và tỉ lệ sinh viên có chỉ tiêu ngân sách và sinh viên ngoài chỉ tiêu để xác định quy mô tuyển sinh hàng năm.

Nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch tuyển sinh. Trên cơ sở các chỉ tiêu đã đăng kí, trường khoa phải: 1) Xây dựng tiêu chuẩn tuyển sinh phù hợp với các đối tượng theo các quy định của quy chế tuyển sinh và xét duyệt điểm chuẩn cho từng ngành đã đăng kí; 2) Xác định khu vực tuyển sinh, xác định giới hạn khu vực tuyển sinh theo từng địa phương hoặc khu vực, có thể mở rộng khu vực tuyển sinh một khi đã đa dạng hóa các ngành nghề và chương trình đào tạo; 3) Lựa chọn phương thức tuyển sinh: Trên cơ sở các chuyên ngành đào tạo được giao và đối tượng tuyển sinh, cán bộ quản lý khoa xây dựng kế hoạch tuyển sinh, lựa chọn hình thức thi, xét tuyển để đề xuất với hội đồng tuyển sinh nhà trường, đồng thời tự chịu trách nhiệm về kết quả tuyển sinh của mình đã đề xuất

Thứ năm, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công tác quản lý tài sản, tài chính. Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập

nói chung và các cơ sở giáo dục đại học còn nhiều bất cập. Tuy nhiên, để bắt nhịp với cơ chế tự chủ đại học trong đó có cơ chế quản lý tài chính, đòi hỏi đội ngũ cán bộ khoa cần phải có kiến thức cơ bản về quản lý tài chính, có năng lực trong công tác quản lý tài chính, có khả năng phân cấp cho các đơn vị trong khoa: mở rộng nguồn thu và khoán chi; kỹ năng xây dựng quy định nội bộ; quy định trách nhiệm giải trình về tài chính giữa các tổ chức trong khoa; tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ và công khai tài chính; biết đào tạo nâng cao năng lực quản lý tài chính cho các đơn vị trong khoa.

3. Kết luận

Tự chủ là thuộc tính của các trường đại học, nếu không tự chủ thì các trường rất khó sáng tạo, khó phát huy nội lực và khó thích ứng với sự thay đổi nhanh của thế giới ngày nay. Tuy nhiên, tự chủ đại học là quá trình đầy khó khăn, thách thức nên thực hiện tự chủ đại học cần có lộ trình phù hợp. Những giá trị của quyền tự chủ chưa được khai thác sử dụng hết ý nghĩa của nó không chỉ bởi những lí do thuộc về cơ chế, hệ thống mà còn bởi sự hạn chế năng lực và thái độ chưa sẵn sàng của đội ngũ nói chung và đội ngũ cán bộ quản lý nói riêng. Điều này đặt ra cho các trường đại học thuộc Bộ Công thương phải chuẩn bị nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, trong đó có đội ngũ cán bộ khoa có ý thức, đủ năng lực để tận dụng những cơ hội, lợi thế mà tự chủ mang lại nhằm phát huy khả năng chủ động, sáng tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường cạnh tranh và đa dạng hóa các loại hình đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng, (2016), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, (2013), *Nghị quyết số 29 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Quốc hội, (2018), *Luật Giáo dục Đại học sửa đổi 2018 số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2012 số 08/2012/QH13*.
- [4] Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (2019), *Nghị định 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học*.
- [5] Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2020), *Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*.
- [6] Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2018), *Nghị định 161/2018/NĐ-CP về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập*.
- [7] Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, (2010), *Nghị định số 115/2010/NĐ - CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục*.
- [8] Bộ Công thương, (2022), *Báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2022 - 2023*
- [9] Nguyễn Vũ Bích Hiền, (2016), *Xây dựng khung năng lực giảng viên đại học sư phạm: kinh nghiệm thế giới và Việt Nam*, Kì yếu hội thảo “Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, khung năng lực nghề nghiệp giáo viên sư phạm và vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của các trường sư phạm”, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình ETEP.

- [10] Đặng Bá Lâm, (2013), *Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục (giáo trình môn học)*, Viện khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [11] Nguyễn Lộc (chủ biên) - Mạc Văn trang - Nguyễn Công Giáp, (2009), *Cơ sở lý luận quản lý trong tổ chức giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [12] Ngô Thị Kiều Oanh, (2014), *Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa tại Đại học Quốc gia Hà Nội*, Đề tài Khoa học cấp cơ sở, Mã số CS2012.12, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
- [13] Đào Thị Oanh (chủ biên), (2016), *Năng lực nghề nghiệp giảng viên đại học sư phạm - Lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [14] Trần Quốc Toàn, (2018), “*Một số vấn đề về cơ chế tự chủ của các trường Đại học*”, Bài đăng trên Trang Thông tin điện tử của Hội đồng Lý luận Trung Ương, ngày 13 tháng 12 năm 2018.
- [15] Phạm Thị Ly, (2012), *Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình: Quan hệ giữa nhà nước, nhà trường và xã hội*, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, tập 15 số 1-2012.
- [16]. Lê Thanh Tâm, (2014), “*Cơ sở khoa học về quản lý trường đại học thuộc Bộ Công Thương theo hướng tự chủ và trách nhiệm xã hội*”, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Hà Nội.
- [17] Thủ tướng Chính phủ, (2014), Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học.
- [18] Thủ tướng Chính phủ, (2015a), *Quyết định số 901/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2015 về việc Phê duyệt đề án tự chủ của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh*.
- [19] Thủ tướng Chính phủ, (2015b), *Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2015 về việc Phê duyệt đề án tự chủ của Trường Đại học Điện lực*.
- [20] Thủ tướng Chính phủ, (2015c), *Quyết định số 618/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc Phê duyệt đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp*.
- [21] Thủ tướng Chính phủ, (2015c), *Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2015 về việc Phê duyệt đề án tự chủ của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*.

THE DEVELOPMENT OF AUTONOMY CAPACITY FOR FACULTY MANAGERS AT HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS UNDER THE MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE IN THE CONTEXT OF UNIVERSITY AUTONOMY

Hoang Truong

Email: hoangtruongdhvh71@gmail.com
 Vietnam - Hungary Industrial University
 16 Huu Nghi, Xuan Khanh, Son Tay,
 Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *There are nine affiliated public universities under the Ministry of Industry and Trade, of which five have fully self-managed universities, the remaining four universities are implementing the mechanism of public non-business units to ensure a recurrent expenditure. In the context of university autonomy taking place widely, it requires the constant improvement of teachers' and faculty administrators' competences. Based on the analysis of universities' challenges and requirements as well as the current situation of faculty administrators' quality, the article proposes some solutions to develop the autonomy and accountability of the faculty administrators in the universities under the Ministry of Industry and Trade so that they can lead higher education institutions in the Ministry of Industry and Trade actively adapt and develop strongly, meeting the requirements of university autonomy and international integration.*

KEYWORDS: *Autonomy capacity, administrators, faculty administrators, higher education, university autonomy, accountability.*